

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN**

Bản án số: 73/2021/DS-PT
Ngày 27/12/2021
V/v Tranh chấp Hợp đồng
giao khoán.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Đức Chiến

Các Thẩm phán: Ông Lộc Sơn Thái

Ông Hồ Đức Châm

- Thư ký phiên tòa: Bà Tạ Thị Hồng Trâm - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Nông Thị Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 67/2021/TLPT-DS ngày 09 tháng 11 năm 2021 về việc "*Tranh chấp Hợp đồng giao khoán*".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 09/2021/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 68/2021/QĐ-PT ngày 03 tháng 12 năm 2021, Thông báo số 34/TB-TA ngày 08/12/2021 về việc chuyển ngày xét xử giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên (CTTNHHMTV) Lâm trường Đ; địa chỉ: Thôn K, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Trung T - Giám đốc Công ty; có mặt.

- Bị đơn: Bà Mã Thị Đ, sinh năm 1968; địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Mã Thị Đ: Ông Vy Văn P - Luật sư Văn phòng Luật sư Lạng Sơn PT, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan

1. Anh Hà Văn T, sinh năm 1988; vắng mặt

2. Chị Hà Thị M, sinh năm 1999; có mặt

3. Chị Hoàng Thị T, sinh năm 1996; vắng mặt

4. Ông Mã Xuân V; vắng mặt

5. Ông Mã Mai H; vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn.

6. Ban quản lý dự án bảo vệ và phát triển rừng huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn.
Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn T - Phó Trưởng ban. Vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Bà Mã Thị Đ là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm và tài liệu có trong hồ sơ, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Ngày 29/3/1993 Lâm trường Đ (nay là CTTNHHMTV L) ký hợp đồng số 119/HĐ-KT về trồng rừng, chăm sóc, tỉa thưa và bảo vệ rừng cuối chu kỳ với hộ ông Hà Văn N tại lô C2, C3 khoảnh 3 và C3 khoảnh 13, tiểu khu 486B (phân trường IV cũ) với tổng diện tích các lô là 18 ha, thời gian thực hiện từ năm thứ 4 (sau 03 năm chăm sóc) trở đi đến hết chu kỳ là 20 năm và ký hợp đồng số 305 HĐ/KT ngày 15/9/1994 về việc khoán, quản bảo vệ rừng với ông Hà Văn N. Nay ông Hà Văn N đã chết, phân diện tích rừng trong 02 hợp đồng trên do bà Mã Thị Đ (vợ ông Hà Văn N) đang quản lý, sử dụng.

Sau khi ký kết hai hợp đồng trên thì Lâm trường Đ thực hiện đúng với các điều khoản đã ghi trong hợp đồng, Lâm trường vẫn thực hiện chi trả tiền trồng, chăm sóc, bảo vệ rừng cho gia đình ông Hà Văn N đầy đủ theo phiếu chi các ngày 24/7/1993; 09/8/1994; 31/12/1994; 30/12/1995; 09/12/1996; 30/12/1996; 17/7/1997. Trong quá trình thực hiện hợp đồng giai đoạn đầu Lâm trường vẫn phối hợp với gia đình nhận khoán để chăm sóc và bảo vệ rừng, nhưng theo hợp đồng từ năm thứ 04 trở đi thì gia đình nhận khoán tự quản lý, bảo vệ cho đến hết chu kỳ và khi khai thác gỗ mỗi bên sẽ thụ hưởng 50% giá trị sản phẩm. Bên nhận giao khoán thời điểm đầu cũng thực hiện đúng với các điều khoản đã ghi trong hợp đồng, nhưng đến khoảng năm 2010 trở lại đây thì không thực hiện theo đúng những cam kết đó, cụ thể gia đình bà Mã Thị Đ tự ý khai thác nhựa thông mà không thông báo hay xin ý kiến của Công ty, việc này đã gây ảnh hưởng đến sự sinh trưởng và phát triển của cây, số tiền khai thác nhựa thông do gia đình nhận khoán thụ hưởng hết đã vi phạm nghiêm trọng các điều khoản đã ghi trong Hợp đồng. Đến nay thời gian thực hiện hợp đồng đã hết, hiện trạng rừng trồng sinh trưởng phát triển kém là do chủ hộ tự ý khai thác nhựa nhiều năm dẫn đến mật độ cây trồng bị suy giảm, rừng trồng không đáp ứng được mục tiêu kinh doanh. Ngày 11/02/2020 đại diện Công ty đã làm việc với bà Mã Thị Đ về việc đưa rừng giao khoán vào khai thác gỗ, bà Mã Thị Đ nhất trí nhưng không ký biên bản. Sau đó Công ty còn có nhiều lần gặp gỡ thương lượng với bà Mã Thị Đ nhưng bà Mã Thị Đ vẫn không nhất trí đưa rừng vào khai thác. Nay CTTNHHMTV Lâm trường Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Yêu cầu gia đình bà Mã Thị Đ phải thực hiện đúng các cam kết theo những điều khoản trong hợp đồng đã giao

kết. Bàn giao lại rừng để Công ty tổ chức khai thác thu hồi vốn của Nhà nước, sau khai thác Công ty tổ chức trồng lại rừng mới theo mô hình quốc doanh. Yêu cầu gia đình bà Mã Thị Đ nhận số tiền sản phẩm gia đình được thụ hưởng theo hợp đồng 119/HĐ-KT là 50% theo như kết quả định giá tài sản.

Đối với ngôi mộ do gia đình ông Mã Mai H và Mã Xuân V đang quản lý, Công ty nhất trí để khoảng cách từ chân ngôi mộ kéo dài ra 04 phía, mỗi phía dài 08m, Công ty sẽ không trồng cây vào đó.

Đối với số cây thông do bà Mã Thị Đ trồng năm 2010, Công ty sẽ thanh toán giá trị bằng tiền cho bà Mã Thị Đ theo như giá trị mà Hội đồng định giá đã quyết định, Công ty sẽ lấy lại cây và đất để quản lý, sử dụng. Theo đơn khởi kiện của CTTNHHMTV Lâm trường Đ có đề cập đến việc Lâm trường Đ ký 02 hợp đồng với ông Hà Văn N là hợp đồng số 119 HĐ/KT ngày 29/3/1993 và hợp đồng số 305 HĐ/KT ngày 15/9/1994; tuy nhiên trên thực tế hiện nay thì hợp đồng số 305 HĐ/KT chỉ là đất trống, không còn tài sản gì trên đất và ở vị trí khác. Tại phiên tòa Công ty yêu cầu Tòa án giải quyết đối với hợp đồng số 119 HĐ/KT ngày 29/3/1993 tại thửa đất số 255 và 348, tờ bản đồ số 04. Rút yêu cầu Tòa án giải quyết đối với hợp đồng số 305 HĐ/KT ngày 15/9/1994.

Bị đơn bà Mã Thị Đ trình bày: Khoảng năm 1993 - 1994 chồng bà là ông Hà Văn N có ký hợp đồng liên doanh trồng rừng, chăm sóc, tía thừa và bảo vệ rừng đến cuối chu kỳ với Lâm trường Đ (nay là CTTNHHMTV Lâm trường Đ), nội dung hợp đồng cụ thể như thế nào bà không nắm được, vì chồng bà là người trực tiếp đi ký với Lâm trường. Sau khi ký hợp đồng bà được chồng cho biết nội dung hợp đồng là ký nhận đất với Lâm trường Đ để trồng cây thông, diện tích là 18ha, thời hạn hợp đồng là 50 năm. Sau khi nhận đất với Lâm trường Đ gia đình bà đã tiến hành trồng cây ngay, cây giống là do Lâm trường Đ cung cấp. Sau khi trồng cây xong Lâm trường Đ đã nghiệm thu và xác định đạt tỉ lệ cây sống trên 90% và Lâm trường đã thanh toán tiền công cho gia đình. Từ khi trồng cây đến năm 2015 gia đình bà mới tiến hành khai thác nhựa thông một số cây to, năm 2018 khai thác nhựa trên toàn bộ diện tích. Trong quá trình gia đình bà quản lý, chăm sóc, bảo vệ có thời điểm cây bị sâu ăn lá làm chết nhiều và cũng bị người khác cắt trộm nên hiện nay chỉ còn khoảng 3.000 cây. Nay CTTNHHMTV Lâm trường Đ khởi kiện ra Tòa án, bà không nhất trí với yêu cầu đó, vì Công ty đã không có trách nhiệm giúp gia đình bà chăm sóc và bảo vệ rừng, gia đình bà đã phải tự mình bảo vệ mới giữ được rừng như hiện nay, bà đề nghị Công ty cho gia đình bà tiếp tục khai thác nhựa thông thêm 04 - 05 năm nữa, khi nào khai thác nhựa thông xong thì sẽ tiến hành khai thác cây; yêu cầu gia đình bà được hưởng giá trị sản phẩm là 70%, Công ty được hưởng 30%, đất sau khi khai thác cây xong Công ty vẫn phải để bà tiếp tục trồng rừng cho đến khi hết thời hạn 50 năm gia đình bà sẽ trả lại đất cho Công ty. Bà không nhất trí với ý kiến của Công ty cho rằng gia đình bà khai thác nhựa thông làm ảnh hưởng đến sự sinh trưởng và phát triển của cây, vì khi cây đã trưởng thành thì phải tiến hành khai thác nhựa thông.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Hà Văn T và chị Hoàng Thị T:

Nhất trí với yêu cầu của bà Mã Thị Đ đã trình bày.

Tại biên bản lấy lời khai ông Mã Mai H và ông Mã Xuân V trình bày: Gia đình ông có 01 ngôi mộ tại thửa đất số 255 đó là mộ của ông nội nằm trên đất của Công ty, hàng năm hai ông vẫn chăm sóc, quản lý. Các ông yêu cầu nếu Công ty khai thác cây và trồng rừng mới thì trồng cây cách xa ngôi mộ của gia đình ông từ 10m trở lên.

Với nội dung trên, Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2021/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2021 của Toà án nhân dân huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn đã căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 158, khoản 1 Điều 165; khoản 1 Điều 166; khoản 2 Điều 244; điểm b, khoản 2 Điều 227; Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ vào khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Lâm trường Đ. Buộc bà Mã Thị Đ phải thanh lý hợp đồng, bàn giao lại quyền sử dụng đất tại một phần thửa đất số 255 và một phần thửa đất số 348, thuộc tờ bản đồ số 04 xã Đ, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn cho Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Lâm trường Đ.

(Hiện trạng thửa đất được mô tả theo mảnh trích đo địa chính số 91-2021 ngày 30/6/2021 của Công ty cổ phần trắc địa bản đồ và môi trường Sông Tô – Chi nhánh Lạng Sơn).

2. Về số tiền được thụ hưởng theo hợp đồng: Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Lâm trường Đ có trách nhiệm thanh toán cho bà Mã Thị Đ số tiền được thụ hưởng theo hợp đồng là 185.145.000 đồng (một trăm tám mươi lăm triệu một trăm bốn mươi lăm nghìn đồng).

3. Về trách nhiệm thanh toán giá trị tài sản trên đất: Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Lâm trường Đ có trách nhiệm thanh toán cho bà Mã Thị Đ số tiền 2.192.000 đồng (hai triệu một trăm chín mươi hai nghìn đồng). Tổng cộng trách nhiệm hữu hạn một thành viên Lâm trường Đ phải thanh toán cho bà Mã Thị Đ số tiền 187.337.000 đồng (một trăm tám mươi bảy triệu ba trăm ba mươi bảy nghìn đồng).

4. Về tài sản trên đất: Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Lâm trường Đ được quản lý, sử dụng toàn bộ tài sản trên một phần thửa đất số 255 và một phần thửa đất số 348, thuộc tờ bản đồ số 04 xã Đ, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn.

5. Đình chỉ xét xử đối với hợp đồng số 305 HĐ/KT ngày 15/9/1994.

6. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản: Buộc bà Mã Thị Đ phải có trách nhiệm trả lại cho Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Lâm trường Đ số tiền là 48.873.000 đồng (bốn mươi tám triệu tám trăm bảy mươi ba nghìn đồng).

7. Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Lâm trường Đ không được trồng cây vào diện tích đất được tính từ chân mộ của gia đình ông Mã Xuân V và ông Mã Mai H kéo ra 04 phía, mỗi phía có chiều dài 08m.

Ngoài ra cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng, lãi xuất chậm trả tại thời điểm thi hành án và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Trong thời hạn luật định bị đơn bà Mã Thị Đ có đơn kháng cáo, không đồng ý với việc giao cây cho Công ty Lâm trường Đ quản lý sử dụng, không đồng ý phương án bồi thường, không đồng ý giao lại rừng cho Công ty, đề nghị cấp phúc thẩm giải quyết không thu hồi đất, rừng đã được giao cho gia đình bà, vì theo thể giao khoán thời hạn vẫn còn, gia đình bà không vi phạm Hợp đồng giao khoán.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Trung T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị xét về hoàn cảnh gia đình bà Mã Thị Đ, nên Công ty tự nguyện hỗ trợ cho bà Mã Thị Đ một phần về chi phí tố tụng. Cụ thể: Công ty đã nộp tạm ứng chi phí tố tụng hết 48.873.000 đồng, nay tự nguyện chịu số tiền 28.873.000 đồng, bà Mã Thị Đ phải có trách nhiệm trả lại cho Công ty số tiền là 20.000.000 đồng.

Bị đơn và Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Không đồng ý nhận số tiền hỗ trợ về chi phí tố tụng. Đề nghị Công ty để cho gia đình thu hoạch, khai thác nhựa thông thêm 04 đến 05 năm nữa, sau đó sẽ để Công ty khai thác cây và thanh lý hợp đồng, gia đình bà Đàm được thụ hưởng 70% và Công ty được thụ hưởng 30%.

Ý kiến phát biểu quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa; Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Việc tuân theo pháp luật của nguyên đơn, bị đơn, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn, Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan tại phiên tòa phúc thẩm thực hiện đúng quy định pháp luật. Đơn kháng cáo của bị đơn bà Mã Thị Đ làm trong thời hạn luật định, nên kháng cáo là hợp lệ.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, bị đơn kháng cáo, nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì mới phục vụ cho việc kháng cáo của mình, xét về thời hạn thực hiện hợp đồng đã hết, Công ty khởi kiện yêu cầu bà Mã Thị Đ giao đất để Công ty khai thác thu hồi vốn của Nhà nước, yêu cầu bà Đàm nhận tiền sản phẩm được hưởng là 50% theo hợp đồng là có căn cứ. Bà Mã Thị Đ không đồng ý phương án bồi thường, không đồng ý bàn giao lại rừng cho Công ty là không có căn cứ để chấp nhận. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm đã có những thiếu sót như sau: Xác định nghĩa vụ chịu án phí không đúng với khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326. Xác định nghĩa vụ chịu chi phí tố tụng không đúng quy định tại khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 165 Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, tại phiên tòa Công ty đã tự nguyện chịu chi phí với số tiền 28.873.000 đồng, việc tự nguyện là phù hợp với quy định của pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng khoản 2 Điều 308, khoản 1 Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự. Xử không chấp nhận kháng cáo của bà Mã Thị Đ, sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2021/DS-ST ngày 27/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn về phần án phí và phần chi phí tố tụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại phiên tòa vắng mặt một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, nhưng đã có Giấy ủy quyền và đơn xin xét xử vắng mặt; ý kiến của nguyên đơn, bị đơn, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn, Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa và Kiểm sát viên đề nghị xét xử vắng mặt họ. Hội đồng xét xử sau khi thảo luận tại chỗ, đã áp dụng Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự vẫn tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[2] Xét kháng cáo của bà Mã Thị Đ, không đồng ý với việc giao cây cho Công ty Lâm trường Đ quản lý, sử dụng, không đồng ý phương án bồi thường, không đồng ý giao lại rừng cho Công ty, đề nghị cấp phúc thẩm giải quyết, yêu cầu Công ty Lâm trường Đ không thu hồi đất, rừng đã được giao cho gia đình bà, vì theo thẻ giao khoán thời hạn vẫn còn, gia đình bà không vi phạm Hợp đồng giao khoán. Hội đồng xét xử thấy rằng; kháng cáo của bà Mã Thị Đ không đồng ý với việc giao cây cho Công ty Lâm trường Đ quản lý, sử dụng, không đồng ý phương án bồi thường, không đồng ý giao lại rừng cho Công ty Lâm trường Đ là không có căn cứ. Bởi, Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Lâm trường Đ ký kết Hợp đồng số 119/HĐ-KT ngày 29/3/1993, về trồng rừng, chăm sóc, tỉa thưa và bảo vệ rừng cuối chu kỳ tại lô C2, C3 khoảnh 3 và C3 khoảnh 13, tiểu khu 486B với tổng diện tích các lô là 18 ha, hợp đồng được ký với ông Hà Văn N (chồng của bà Mã Thị Đ), ông Hà Văn N đã chết nên bà Mã Thị Đ (là vợ ông Hà Văn N) được tiếp tục thực hiện hợp đồng, thời gian thực hiện từ năm thứ 4 trở đi đến hết chu kỳ là 20 năm. Như vậy, xét về thời gian thực hiện hợp đồng các bên thỏa thuận trong hợp đồng là 20 năm, đến nay thời gian thực hiện hợp đồng đã hết. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà Mã Thị Đ đã thực hiện không đúng thỏa thuận trong hợp đồng, dẫn đến rừng bị cắt trộm, các cây thông cũng đã bị khai thác nhựa cạn kiệt. Mặt khác, căn cứ vào các nội dung của hợp đồng nêu trên, hiện trạng rừng trồng sinh trưởng phát triển kém là do khoảng năm 2015 trở lại đây bà Mã Thị Đ đã tự ý khai thác nhựa thông làm ảnh hưởng đến sự sinh trưởng và phát triển của cây, dẫn đến mật độ cây trồng bị suy giảm, rừng trồng không đáp ứng được mục tiêu kinh doanh. Tại phiên tòa, bà Mã Thị Đ cũng đã thừa nhận là có vi phạm hợp đồng, chỉ xin Công ty cho gia đình bà được tiếp tục khai thác nhựa thông thêm 04 đến 05 năm nữa sẽ trả lại rừng cho Công ty. Số tiền thu được từ việc khai thác nhựa thông bà Mã Thị Đ tự thụ hưởng từ năm 2015 đến nay, mỗi năm bà thu được 50.000.000 đồng nhưng không nộp về cho Công ty. Việc làm này của bà Mã Thị Đ đã vi phạm mục 5, phần I của hợp đồng số 119/HĐ-KT ngày 29/3/1993. Nay Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Lâm trường Đ khởi kiện bà Mã Thị Đ yêu cầu chấm dứt hợp đồng số 119/HĐ-KT về trồng rừng, chăm sóc, tỉa thưa và bảo vệ rừng cuối chu kỳ tại lô c2, c3 khoảnh

3 và c3 khoảnh 13, tiểu khu 486B với tổng diện tích các lô là 18,0 ha, thời gian thực hiện từ năm thứ 4 trở đi đến hết chu kỳ là 20 năm. Yêu cầu gia đình bà Mã Thị Đ phải thực hiện đúng cam kết theo những điều khoản trong Hợp đồng đã giao kết. Buộc bà Mã Thị Đ thanh lý hợp đồng, bàn giao lại rừng để Công ty tổ chức khai thác thu hồi vốn của Nhà nước, đất rừng sau khai thác Công ty tổ chức trồng lại rừng mới theo mô hình quốc doanh. Yêu cầu bà Mã Thị Đ nhận số tiền sản phẩm được hưởng theo hợp đồng số 119-HĐ/KT là 50% theo như kết quả định giá tài sản, là có căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] Về chi phí tố tụng: Tổng chi phí hết số tiền 48.873.000 đồng (bốn mươi tám triệu tám trăm bảy mươi ba nghìn đồng). Tại phiên tòa hôm nay, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Nguyễn Trung T - Giám đốc Công ty đã tự nguyện chịu một phần chi phí tố tụng với số tiền là 28.873.000 đồng (hai mươi tám triệu tám trăm bảy mươi ba nghìn đồng). Bà Mã Thị Đ còn phải chịu 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) để trả cho Công ty. Hội đồng xét xử thấy, việc tự nguyện chịu một phần chi phí tố tụng của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội và không bị ép buộc, không trái quy định của pháp luật, nên được ghi nhận.

[4] Về án phí sơ thẩm: Bà Mã Thị Đ được thụ hưởng theo hợp đồng 50% với số tiền là 185.145.000 đồng. Nhưng Tòa án cấp sơ thẩm đã cộng cả số tiền 2.192.000 đồng, phía Công ty bồi thường cây mới trồng, để xác định bà Mã Thị Đ phải chịu án phí của tổng số tiền 187.337.000 đồng, là không chính xác. Do vậy, cần sửa một phần về án phí của Tòa án cấp sơ thẩm. Bị đơn bà Mã Thị Đ chỉ phải chịu án phí có giá ngạch của số tiền $185.145.000 \text{ đồng} \times 5\% = 8.320.565 \text{ đồng}$. Không phải số tiền 9.366.850 đồng như Bản án sơ thẩm đã tuyên.

[5] Từ những phân tích, nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của bà Mã Thị Đ, sửa một phần Bản án sơ thẩm về chi phí tố tụng và phần án phí.

[6] Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Mã Thị Đ không phù hợp nên không được chấp nhận.

[7] Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[8] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do sửa một phần Bản án sơ thẩm, nên bà Mã Thị Đ không phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308; khoản 1 Điều 309; Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Mã Thị Đ. Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2021/DS-ST ngày 27/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn về phần chi phí tố tụng và phần án phí. Cụ thể như sau:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 37; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 158, khoản 1 Điều 165; khoản 1 Điều 166; khoản 2 Điều 244; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự; điểm b khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Lâm trường Đ. Buộc bà Mã Thị Đ phải thanh lý hợp đồng số 119/HĐ-KT ngày 29/3/1993, về trồng rừng, chăm sóc, tía thưa và bảo vệ rừng cuối chu kỳ tại lô C2, C3 khoảnh 3 và C3 khoảnh 13, tiểu khu 486B với tổng diện tích các lô là 18 ha, bàn giao lại quyền sử dụng đất tại một phần thửa đất số 255 và một phần thửa đất số 348, thuộc tờ bản đồ số 04 xã Đ, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn cho Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Lâm trường Đ. *(Theo mảnh trích đo địa chính số 91-2021 ngày 30/6/2021 của Công ty cổ phần trắc địa bản đồ và môi trường Sông Tô - Chi nhánh Lạng Sơn kèm theo).*

2. Về số tiền được thụ hưởng theo hợp đồng: Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Lâm trường Đ có trách nhiệm thanh toán cho bà Mã Thị Đ số tiền được thụ hưởng theo hợp đồng là 185.145.000 đồng (một trăm tám mươi lăm triệu một trăm bốn mươi lăm nghìn đồng).

3. Về trách nhiệm thanh toán giá trị tài sản trên đất: Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Lâm trường Đ có trách nhiệm thanh toán cho bà Mã Thị Đ số tiền 2.192.000 đồng (hai triệu một trăm chín mươi hai nghìn đồng). Tổng cộng Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Lâm trường Đ phải thanh toán cho bà Mã Thị Đ số tiền 187.337.000 đồng (một trăm tám mươi bảy triệu ba trăm ba mươi bảy nghìn đồng).

4. Về tài sản trên đất: Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Lâm trường Đ được quản lý, sử dụng toàn bộ tài sản trên một phần thửa đất số 255 và một phần thửa đất số 348, thuộc tờ bản đồ số 04 xã Đ, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn.

5. Đình chỉ xét xử đối với hợp đồng số 305 HĐ/KT ngày 15/9/1994.

6. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản: Buộc bà Mã Thị Đ phải có trách nhiệm trả lại cho Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Lâm trường Đ số tiền là 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng).

Kể từ khi người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ thi hành án thì phải chịu lãi xuất chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

7. Về án phí sơ thẩm: Bà Mã Thị Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 8.320.565 đồng (tám triệu ba trăm hai mươi nghìn, năm trăm sáu mươi lăm đồng), sung ngân sách Nhà nước.

8. Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Lâm trường Đ phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm để sung ngân sách nhà nước. Số tiền trên được trừ vào tiền tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2012/04341 ngày 12/4/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn.

9. Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Lâm trường Đ không được trồng cây vào diện tích đất được tính từ chân mộ của gia đình ông Mã Xuân V và ông Mã Mai H kéo ra 04 phía, mỗi phía có chiều dài 08m.

10. Về án phí phúc thẩm: Bà Mã Thị Đ không phải chịu án phí phúc thẩm, trả lại số tiền 300.000 đồng đã nộp đủ theo Biên lai thu tiền số AA/2021/0003610 ngày 20/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn.

11. Các quyết định khác của bản dân sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự người phải thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án quy định tại điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- TAND huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn;
- Chi cục THADS huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn;
- Những người tham gia tố tụng;
- HCTP; P. KTNV&THA;
- Lưu: Hồ sơ, Tòa Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Cao Đức Chiến